TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG** Số: 41/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hòa Vang, ngày* 18 *tháng* 7 *năm* 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 126/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Ngọc T**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Ông **Phạm Nguyễn Phú H**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị Ngọc T và ông Phạm Nguyễn Phú H**.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà Dương Thị Ngọc T và ông Phạm Nguyễn Phú H thống nhất thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Phạm Hoàng M – sinh ngày 24/02/2016 cho bà Dương Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Phạm Nguyễn Phú H không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Dương Thị Ngọc T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ sơ thẩm bà T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 003022 ngày 09/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chênh lệch đã nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Hòa Vang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Vang;
- UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Nam

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).